

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ T,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 – 8 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị K và anh H”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Ông Dương Văn Lũy

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú T, tỉnh An Giang.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 (có đơn xin vắng mặt).
2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 258, ấp Bình Đ 2, xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 1998 chị và anh Nguyễn Thanh H đồng ý kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 14

ngày 23-10-2001. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh H ăn chơi, uống rượu nhiều, không lo làm ăn, chị khuyên nhưng anh H không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay chị bỏ đi tỉnh Bình Dương làm công nhân và vợ chồng ly thân. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Ngày 10-8-2020 chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 12-8-2020 anh Nguyễn Thanh H (là bị đơn) trình bày, anh và chị K tìm hiểu về tình cảm, năm 1998 anh chị đồng ý kết hôn, có đăng ký kết hôn. Đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do anh buồn và uống rượu nhiều, vợ chồng cãi vã và ly thân. Nay, chị K yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Anh H đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Minh Mẫn, sinh ngày 24-10-2000; Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 25-4-2006; Nguyễn Thị Huỳnh Trâm, sinh ngày 09-3-2016, cả 03 con sống chung với chị K, cháu Mẫn đã thành niên đang làm công nhân tự nuôi sống bản thân nên chị K không yêu cầu giải quyết, chị yêu cầu nuôi cháu Khang và cháu Trâm, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con, vì chị làm công nhân thu nhập từ lương bình quân 6.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con,. Anh H đồng ý giao các con cho chị K nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng.

- Về chia tài sản: hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: hai bên đương sự khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh H, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị K và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K và anh H.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị K và anh H là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn, có thời gian ly thân từ tháng 4 năm 2019 đến nay, chị K yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử

chấp nhận yêu cầu của chị K và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị K và anh H

[4] Về nuôi con chung: hai bên không tranh chấp và thống nhất giao 02 con Nguyễn Minh Khang, Nguyễn Thị Huỳnh Trâm cho chị K nuôi dưỡng, cháu Khang cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, giao cháu Nguyễn Minh Khang và cháu Nguyễn Thị Huỳnh Trâm cho chị K trực tiếp nuôi. Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, nên không xem xét. Riêng cháu Mẫn đã thành niên và tự nuôi sống bản thân, hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đề cập,

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đề cập.

[7] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Thanh H. Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 23-10-2001 của Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh Đ, huyện Phú T, tỉnh An Giang, không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 25-4-2006; Nguyễn Thị Huỳnh Trâm, sinh ngày 09-3-2016 cho chị K trực tiếp nuôi, chị K đang nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Thanh H không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006968 ngày 10-8- 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú T;
- Cơ quan Thi hành án huyện Phú T;
- UBND xã Bình Thạnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

